

Bản án số: 43/2025/HSST
Ngày 30 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm tại điểm cầu trung tâm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đinh Thị Hạnh
- Bà Trương Thị Tuyết

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Minh Phương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên toà:
Ông Trần Duy Khoái - Kiểm sát viên.

Thành phần những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần gồm có:

Thư ký: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

Đại diện viện kiểm sát: Bà Trần Diệu Linh - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

Người tham gia tố tụng khác: Ông Bàn Quốc Minh- Đại úy, cán bộ trại tạm giam số 1- Công an tỉnh Lào Cai.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân huyện Bát Xát cũ (thôn 4, xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai). Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2025.

Tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Bát Xát cũ gồm có: Bị cáo, bị hại, người làm chứng, người bào chữa:

1. Họ và tên Sùng T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 05/10/2000 tại xã N, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Con ông Sùng A Lệnh và bà Vừ Thị X, bị cáo có vợ là Châu Thị P, bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2022. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/04/2024; tạm giam

từ ngày 14/04/2024. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Lào Cai (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Sùng A : Bà Liêu Thị Nga – sinh năm 1984 Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Sùng N: Bà Hoàng Thị Diễm Hằng – sinh năm 1980 Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai (có mặt).

Người bị hại:

1. Anh Giàng S - sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Lào Cai.

1. Chị Châu Thị P – sinh năm 2001 (có mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

Người làm chứng:

1. Chị Vàng Thị X – sinh năm 2006 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ Phan Si Păng 5, phường S, tỉnh Lào Cai.

2. Anh Sùng V – sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

3. Anh Sùng M – sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

4. Anh Sùng R - sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

5. Anh Sùng A Thính – sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

6. Ông Sùng A Lệnh – sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

7. Ông Sùng U – sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

8. Ông Sùng P – sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

9. Bà Vừ Thị X – sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

10. Anh Cự V – sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai.

11. Anh Giàng A – sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Lào Cai.

12. Anh Giàng V - sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Lào Cai.

13. Ông Giàng S – sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Lào Cai.

14. Anh Đào Xuân T – sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Lào Cai.

15. Chị Lý Thị D - sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Sép Pa Cheo, xã X, tỉnh Lào Cai.

Tại điểm cầu thành phần: Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- Lào Cai gồm có bị cáo, người bào chữa:

1. Họ và tên: Sùng N ; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh ngày 04 tháng 4 năm 1999 tại xã N, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; con ông Sùng A Dế (đã chết) và bà Thào Thị Nhao; bị cáo có vợ là Hạng Thị Mẩn, bị cáo có 03 người con lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2023. Bị cáo Nhân thân: tốt. Bị cáo Sùng N được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/04/2025 (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Sùng A ; tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh ngày 25 tháng 6 năm 1990 tại xã N, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: thôn S, xã N, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; con ông Sùng P và bà Thào Thị Sáo; bị cáo có vợ là Cự Thị Quả, bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012. Bị cáo Nhân thân: tốt. Bị cáo Sùng A được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/04/2025 (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Sùng T: Bà Nông Thị Thúy Hằng – sinh năm 1989
Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sùng T và Châu Thị P có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lào Cai. Quá trình sinh sống có mâu thuẫn, cuối năm 2023 Châu Thị P đã đi làm thuê tại tỉnh Bắc Ninh. Cùng thời điểm này, Sùng T có quan hệ tình cảm với Tần Thị Lữ là vợ của Giàng S. Sau khi phát hiện ra sự việc, khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 31/03/2024, Giàng S và Châu Thị P đã hẹn gặp nhau tại khu vực nhà vệ sinh công cộng bên xe Sa Pa để nói chuyện, sau đó sẽ đi lên khu vực tổ dân phố Ô Quý Hồ 1, phường S gặp mẹ của Pa Na, để xem video ghi lại việc Sùng T và Tần Thị Lữ ngoại tình với nhau, được lưu trên điện thoại của mẹ Pa Na. Khi Giàng S và Châu Thị P gặp nhau, nói chuyện, thì Giàng Thị Giả là người quen của Sùng T nhìn thấy, đã gọi điện thoại báo cho Sùng T biết, nên Sùng T điều khiển xe mô tô từ nhà ra khu vực chợ bến xe Sa Pa để tìm Châu Thị P và Giàng S. Khi đi đến khu vực ngã ba đường tránh Quốc lộ 4D thuộc địa phận tổ dân phố Ô Quý Hồ 1, phường S, Sùng T nhìn thấy Châu Thị P đang đi cùng xe mô tô với một người đàn ông nên chặn lại. Tính hỏi Châu Thị P đi đâu, thì Châu Thị P trả lời đi lên chỗ mẹ của Châu Thị P để lấy điện thoại có chứa nội dung đoạn hội thoại ứng dụng messenger giữa Sùng T và Tần Thị Lữ. Sùng T hỏi người đàn ông chở Châu Thị P là ai thì Châu Thị P trả lời là xe ôm nên Sùng T trả tiền xe ôm cho người đàn ông trên. Lúc này, Giàng S điều khiển xe mô tô chở theo Vàng Thị X cũng đi đến và cũng bị Sùng T chặn lại. Sùng T và Giàng S cãi nhau về việc Giàng S nói Sùng T có quan hệ tình cảm với vợ mình là Tần Thị Lữ. Sùng T cũng nói về việc nghi ngờ Giàng S và Châu Thị P có quan hệ tình cảm với nhau, do cùng đi làm thuê tại tỉnh Bắc Ninh, đang đi cùng nhau và vừa nói chuyện với nhau tại khu vực nhà vệ sinh công cộng chợ Sa Pa. Sau đó, Sùng T gọi điện thoại cho Cừ V và Sùng N là anh, em họ của mình nói là đã bắt được Châu Thị P cùng người yêu tại đường tránh Quốc lộ 4D và nhờ Cừ V, Sùng N gọi thêm một số người đến đưa Châu Thị P và Giàng S về nhà để giải quyết. Trong lúc đợi người nhà đến, Sùng T dùng tay tát 02 phát vào mặt của Châu Thị P, thấy vậy, Giàng S lao vào đẩy Sùng T ra và hai bên xảy ra cãi chửi nhau. Khoảng 30 phút sau, Sùng N một mình điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh đen, BKS 24B2-747.64, Sùng A điều khiển xe mô tô (Nén không nhớ biển kiểm soát) chở bố của Sùng T là Sùng A Lệnh cùng với Sùng V, Sùng M, Sùng R, Sùng A Thính đi đến chỗ Sùng T và Giàng S. Thấy người nhà đến đông, Sùng T lập tức lao đến chỗ Giàng S đứng, dùng chân phải đạp vào bụng và dùng tay phải nắm vào mặt của Giàng S. Sau đó, Giàng S và Sùng T lao vào giằng co với nhau, Giàng S bị ngã ra khu vực taluy âm bên đường. Sùng T dùng tay phải túm tóc Giàng S dí xuống mặt đường. Thấy xe mô tô của Sùng N vẫn đang nổ máy, nên Sùng T nói với Sùng N “Anh chở thằng bồ này về nhà giải quyết”. Nghe vậy Sùng N liền quay đầu xe lại theo hướng về xã N.

Sùng T tiếp tục nói với Giàng S “Lên xe về nhà giải quyết”, đồng thời Sùng T dùng tay túm tóc, kéo đẩy Giàng S, Sùng A ôm từ phía sau, đẩy Giàng S lên xe của Sùng N. Sau khi đẩy được Giàng S lên ngồi sau xe mô tô của Sùng N, Sùng A liền ngồi lên phía sau, ôm giữ để cùng Sùng N đưa Giàng S về nhà Sùng T để giải quyết. Sùng T điều khiển xe mô tô của Giàng S. Sùng M điều khiển xe mô tô của Sùng T. Châu Thị P tự nguyện lên xe của Sùng V. Tất cả mọi người đi về nhà Sùng T tại thôn S, xã N. Khi đến nơi, Sùng N và Sùng A đẩy Giàng S vào nhà Sùng T, không cho ra ngoài. Khoảng 3-4 phút sau, thì những người còn lại cũng về đến nhà Sùng T. Trong nhà của mình, Sùng T quát “*Hai bọn mày quay vào đây xem nào*” rồi dùng tay kéo Giàng S và Châu Thị P, bắt cả hai quay lưng vào nhau, rồi dùng dây chun cao su trói hai tay của Châu Thị P và Giàng S lại với nhau. Sùng T dùng tay phải tát vào mặt của Giàng S, Châu Thị P nhiều phát và nói “*Chúng mày bản thế này, bây giờ chúng mày có lấy nhau không*” và bắt cả hai khai nhận về việc ngoại tình với nhau. Nhưng cả Giàng S và Châu Thị P đều không thừa nhận. Sùng T nói tiếp “*Mẹ bọn mày buống à, tao treo chúng mày lên*”, rồi Sùng T đi xuống bếp lấy 02 (hai) dây da trâu lên. Sùng T cởi trói một bên tay của Giàng S và Châu Thị P ra, rồi luồn một dây da trâu vào giữa hai tay đang bị trói của Giàng S và Châu Thị P, sau đó buộc lên xà ngang của nhà gỗ, để treo cả hai lên trong tư thế một tay bị treo hai chân kiềng. Sùng T tát cả hai mỗi người một phát vào mặt, dùng dây da trâu quật nhiều phát vào đùi của Giàng S và Châu Thị P và nói “*Mẹ chúng mày có lấy nhau không? Lấy nhau thì đưa cho tao 100.000.000 đồng, tao cho chúng mày lấy nhau*” nhưng cả hai không nói gì. Một lúc sau, do quá đau nên Châu Thị P nói với Giàng S “*Anh Sinh ơi em đồng ý lấy anh, anh đồng ý đi để họ tháo dây cho cả hai*”. Giàng S trả lời “*Ừ, đồng ý*”. Một lúc sau, bác ruột của Sùng T là Sùng U đến nhà Sùng T và cởi trói cho Châu Thị P và Giàng S, cho cả hai người ngồi xuống ghế. Sau khi được cởi trói, Giàng S gọi điện về cho anh trai là Giàng A nhờ Giàng A đến để giải quyết đưa về. Nhận được thông tin, Giàng A cùng với Giàng V, Giàng A Khoa là em ruột của Giàng S, cùng với Giàng S là chú ruột của Giàng S, đi đến nhà của Sùng T. Khoảng 19 giờ cùng ngày, những người trên có mặt tại nhà của Sùng T. Tại đây, Sùng T yêu cầu người nhà của Giàng S phải đưa 100.000.000 đồng thì mới cho Giàng S về và giao Châu Thị P cho Giàng S. Giàng S đã nhờ anh trai là Giàng A xoay tiền để giúp Giàng S. Quá trình thương lượng, Sùng T đồng ý với số tiền 50.000.000 đồng. Do không có sẵn tiền mặt nên Giàng A đã gọi điện cho anh Đào Xuân T để hỏi vay tiền và nhờ Đào Xuân T chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản số 3760240920 của ngân hàng BIDV mang tên Sùng T. Sau khi nhận được 50.000.000 đồng do anh Đào Xuân T chuyển khoản, Sùng T đã lập biên bản hoà giải, giao nhận tiền có những người tham gia chứng kiến gồm Sùng A Lệnh, Vừ Thị X, Châu Thị P, Giàng S và Sùng T. Sau khi lập biên bản xong,

khoảng 23 giờ cùng ngày, Sùng T cho Giàng S đi về cùng người nhà, Châu Thị P cùng mẹ ruột của mình cũng rời khỏi nhà Sùng T.

Đối với số tiền chiếm đoạt được, ngày 03/04/2024 Sùng T đến cửa hàng điện thoại của anh Trần Xuân Đoàn. Tại đây Sùng T chuyển 45.000.000 đồng vào tài khoản của anh Trần Xuân Đoàn, để anh Đoàn chuyển tiền mặt cho mình. Sau khi nhận được 45.000.000 đồng từ anh Trần Xuân Đoàn, Sùng T mang về cất tại nhà. Đối với số tiền 5.000.000 đồng còn lại trong tài khoản Sùng T đã sử dụng khoảng 1.200.000 đồng chi tiêu cá nhân.

Ngày 04/04/2024, Châu Thị P và Giàng S đến Công an xã N tố giác Sùng T về hành vi cướp tài sản. Đến 09 giờ 30 phút ngày 05/04/2024, Sùng T đến Công an xã N để đầu thú và khai nhận về hành vi cướp tài sản của bản thân, đồng thời giao nộp lại 50.000.000 đồng cùng một số đồ vật, tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra.

Ngày 09/04/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sa Pa tiến hành trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai giám định thương tích đối với Giàng S và Châu Thị P.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 88 ngày 16/04/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Giàng S tại thời điểm giám định là 01 %; Cơ chế chấn thương: Chấn thương trực tiếp. Vật gây thương tích: Vật tày.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 89 ngày 16/04/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Châu Thị P tại thời điểm giám định là 01 %. Cơ chế chấn thương: Chấn thương trực tiếp. Vật gây thương tích: Vật tày.

Về vật chứng vụ án:

+ Đối với 50.000.000 đồng, Sùng T đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra, ngày 14/11/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sa Pa đã chuyển vào tài khoản của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Sa Pa, mở tại kho bạc Nhà nước thị xã Sa Pa để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 (một) đoạn dây làm bằng da trâu màu xám đen có kích thước dài 136 cm, có hình xoắn ốc, trên bề mặt dính nhiều sợi lông; 01 (một) đoạn dây làm bằng da trâu, màu xám đen có kích thước dài 210 cm, có hình xoắn ốc, trên bề mặt dính nhiều sợi lông; 01 (một) đoạn dây cao su màu đen có kích thước dài 112cm, rộng 2cm, dày 0,2cm; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu TECNO màu xanh số IMEI 1: 355126621700941, số IMEI 2: 355126621700958, bên trong lắp 01 sim Viettel số 0362486933, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Sùng T. Chuyển cơ quan thi hành án để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter màu xanh - đen, BKS 24B2 - 747.64 Sùng N cùng với Sùng A sử dụng làm phương tiện để bắt, giữ đưa Giàng

S về nhà Sùng T. Sau khi vụ án xảy ra, Sùng N đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người dân tộc Mông không quen biết vào cuối năm 2024 tại khu vực chợ Sa Pa, lấy tiền chi tiêu cho gia đình, đến nay không thu giữ được, nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Châu Thị P đã được gia đình bị cáo Sùng T bồi thường 50.000.000 đồng. Chị Châu Thị P đã chuyển số tiền trên cho người bị hại Giàng S. Đến nay, chị Châu Thị P không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Sùng T.

Đối với người bị hại Giàng S, sau khi được Châu Thị P chuyển lại 50.000.000 đồng để trả cho anh Đào Xuân T, Giàng S còn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 70.000.000 đồng do bị xâm hại sức khỏe, danh dự, nhân phẩm.

Đối với 50.000.000 đồng ông Sùng A Lệnh, bà Vừ Thị X đứng ra bồi thường cho bị hại Châu Thị P thay cho bị cáo Sùng T. Ông Sùng A Lệnh và bà Vừ Thị X không yêu cầu bị cáo Sùng T phải hoàn trả lại số tiền trên, nên không đề cập giải quyết.

Đối với 50.000.000 đồng Giàng A đứng ra vay của anh Đào Xuân T, để chuyển cho Sùng T. Số tiền trên Giàng S đã trả lại cho anh Đào Xuân T. Anh Tùng đã nhận lại số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

Cáo trạng số 35/CT-VKSKV ngày 16/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai truy tố bị cáo Sùng T về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và tội “ Cướp tài sản” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Sùng N, Sùng A về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Sùng T về tội danh như bản cáo trạng đã truy tố theo điểm đ khoản 2 Điều 157 và điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Sùng A , Sùng N về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với các bị cáo:

+Đối với bị cáo Sùng T:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Sùng T mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự về tội “ Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo với mức án tù 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội trên đối với bị cáo Sùng T theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sùng T.

+ Đối với các bị cáo Sùng N, Sùng A :

Áp dụng khoản 1 Điều 157, Điều 17, Điều 58, Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Sùng N mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù

Xử phạt bị cáo Sùng A mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; khoản 1 Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Sùng T phải bồi thường cho người bị hại là anh Giàng S số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án ngày 18, 20/9/2025 người bị hại Giàng S đã thỏa thuận với bị cáo Sùng A , Sùng N và nhận của Sùng A số tiền là 10.000.000 đồng, nhận của Sùng N số tiền là 15.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền đã thỏa thuận trên người bị hại Giàng S không yêu cầu các bị cáo Sùng A , Sùng N phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Sùng N, Sùng A .

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) đoạn dây làm bằng da trâu màu xám đen có kích thước dài 136 cm, có hình xoắn ốc, trên bề mặt dính nhiều sợi lông; 01 (một) đoạn dây làm bằng da trâu, màu xám đen có kích thước dài 210 cm, có hình xoắn ốc, trên bề mặt dính nhiều sợi lông; 01 (một) đoạn dây cao su màu đen có kích thước dài 112cm, rộng 2 cm, dày 0,2 cm thu giữ của bị cáo.

Trả lại cho bị cáo Sùng T 01 (một) điện thoại nhãn hiệu TECNO màu xanh số IMEI 1: 355126621700941, số IMEI 2: 355126621700958, bên trong lắp 01 sim Viettel số 0362486933, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng, Sùng T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, ngày 14/11/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai (cũ) đã chuyển vào tài khoản của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Sa Pa, mở tại kho bạc Nhà nước thị xã Sa Pa. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại tiền tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Vì vậy cần tiếp tục tạm giữ của bị cáo số tiền

30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trong tổng số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) bị cáo Sùng T đã nộp tại Cơ quan điều tra để đảm bảo công tác thi hành án về khoản tiền bồi thường. Số tiền còn lại 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trả lại cho bị cáo Sùng T.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà người bào cho các bị cáo Sùng T là bà Nông Thị Thúy Hằng trình bày:

Do các bị cáo Sùng T là người dân tộc thiểu số, với độ tuổi còn trẻ, hiểu biết, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ nên có hành vi vi phạm pháp luật về việc xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác và xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng T mức án 02 (Hai) năm tù về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng T mức án 07 (Bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội trên đối với bị cáo Sùng T theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tài sản riêng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo Sùng T sinh sống ở xã có điều kiện, Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng T.

Tại phiên toà người bào cho các bị cáo Sùng N là bà Hoàng Thị Diễm Hằng trình bày:

Do các bị cáo Sùng N là người dân tộc thiểu số, với độ tuổi còn trẻ, hiểu biết, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ nên có hành vi vi phạm pháp luật về việc bắt, giữ người trái pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng N mức án 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân xã N, tỉnh Lào Cai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Bị cáo

không có tài sản riêng, sinh sống ở xã có điều kiện, Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng N.

Tại phiên tòa người bào cho các bị cáo Sùng A là bà Liệu Thị Nga trình bày:

Do các bị cáo Sùng A là người dân tộc thiểu số, với độ tuổi còn trẻ, hiểu biết, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ nên có hành vi vi phạm pháp luật về việc bắt, giữ người trái pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng A mức án 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân xã N, tỉnh Lào Cai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Bị cáo không có tài sản riêng, sinh sống ở xã có điều kiện, Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng A .

Tại phiên tòa các bị cáo Sùng T, Sùng A , Sùng N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sa Pa, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 –Lào Cai), Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận

thấy: Sùng T và Châu Thị P có quan hệ là vợ chồng. Quá trình sinh sống có mâu thuẫn, cuối năm 2023 Châu Thị P đã đi làm thuê tại tỉnh Bắc Ninh. Cùng thời điểm này, Sùng T có quan hệ tình cảm với Tần Thị Lữ là vợ của Giàng S. Sau khi phát hiện ra sự việc, khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 31/03/2024, Giàng S và Châu Thị P đã hẹn gặp nhau tại khu vực nhà vệ sinh công cộng bên xe Sa Pa để nói chuyện, sau đó sẽ đi gặp mẹ của Pa Na, để xem video ghi lại việc Sùng T và Tần Thị Lữ ngoại tình với nhau. Khi Giàng S và Châu Thị P gặp nhau, nói chuyện, thì Giàng Thị Giả là người quen của Sùng T nhìn thấy, đã gọi điện thoại báo cho Sùng T biết, nên Sùng T điều khiển xe mô tô từ nhà ra khu vực chợ bên xe Sa Pa để tìm Châu Thị P và Giàng S. Khi đi đến khu vực ngã ba đường tránh Quốc lộ 4D Sùng T nhìn thấy Châu Thị P và chặn lại hỏi Châu Thị P đi đâu, thì Châu Thị P trả lời đi lên chỗ mẹ của Châu Thị P để lấy điện thoại có chứa nội dung đoạn hội thoại ứng dụng messenger giữa Sùng T và Tần Thị Lữ. Lúc này, Giàng S điều khiển xe mô tô chở theo Vàng Thị X cũng đi đến và cũng bị Sùng T chặn lại. Sùng T và Giàng S cãi nhau về việc Giàng S nói Sùng T có quan hệ tình cảm với vợ mình là Tần Thị Lữ. Sùng T cũng nói về việc nghi ngờ Giàng S và Châu Thị P có quan hệ tình cảm với nhau. Sau đó, Sùng T gọi điện thoại cho Cừ V và Sùng N là anh, em họ của mình nói là đã bắt được Châu Thị P cùng người yêu tại đường tránh Quốc lộ 4D và nhờ Cừ V, Sùng N gọi thêm một số người đến đưa Châu Thị P và Giàng S về nhà để giải quyết. Trong lúc đợi người nhà đến, Sùng T dùng tay tát 02 phát vào mặt của Châu Thị P, thấy vậy, Giàng S lao vào đẩy Sùng T ra và hai bên xảy ra cãi chửi nhau. Khoảng 30 phút sau, Sùng N một mình điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh đen, BKS 24B2-747.64, Sùng A điều khiển xe mô tô (Nén không nhớ biển kiểm soát) chở bố của Sùng T là Sùng A Lệnh cùng với Sùng V, Sùng M, Sùng R, Sùng A Thính đi đến chỗ Sùng T và Giàng S. Thấy người nhà đến đông, Sùng T lập tức lao đến chỗ Giàng S đứng, dùng chân phải đạp vào bụng và dùng tay phải đâm vào mặt của Giàng S. Sau đó, Giàng S và Sùng T lao vào giằng co với nhau, Giàng S bị ngã ra khu vực taluy âm bên đường. Sùng T dùng tay phải túm tóc Giàng S dí xuống mặt đường. Thấy xe mô tô của Sùng N vẫn đang nổ máy, nên Sùng T nói với Sùng N “Anh chở thằng bồ này về nhà giải quyết”. Nghe vậy Sùng N liền quay đầu xe lại theo hướng về xã N. Sùng T tiếp tục nói với Giàng S “Lên xe về nhà giải quyết”, đồng thời Sùng T dùng tay túm tóc, kéo đẩy Giàng S, Sùng A ôm từ phía sau, đẩy Giàng S lên xe của Sùng N. Sau khi đẩy được Giàng S lên ngồi sau xe mô tô của Sùng N, Sùng A liền ngồi lên phía sau, ôm giữ để cùng Sùng N đưa Giàng S về nhà Sùng T để giải quyết. Khi đến nơi, Sùng N và Sùng A đẩy Giàng S vào nhà Sùng T, không cho ra ngoài. Tại nhà Sùng T, Sùng T quát “*Hai bọn mày quay vào đây xem nào*” rồi dùng tay kéo Giàng S và Châu Thị P, bắt cả hai quay lưng vào nhau, rồi dùng dây chun cao su trói hai tay của Châu Thị P và Giàng S lại với nhau. Sùng T dùng tay phải tát vào mặt của

Giàng S, Châu Thị P nhiều phát và nói “*Chúng mày bản thể này, bây giờ chúng mày có lấy nhau không*” và bắt cả hai khai nhận về việc ngoại tình với nhau. Nhưng cả Giàng S và Châu Thị P đều không thừa nhận. Sùng T nói tiếp “*Mẹ bọn mày bước à, tao treo chúng mày lên*”, rồi Sùng T đi xuống bếp lấy 02 (hai) dây da trâu lên. Sùng T cởi trói một bên tay của Giàng S và Châu Thị P ra, rồi luồn một dây da trâu vào giữa hai tay đang bị trói của Giàng S và Châu Thị P, sau đó buộc lên xà ngang của nhà gỗ, để treo cả hai lên trong tư thế một tay bị treo hai chân kiễng. Sùng T tát cả hai mỗi người một phát vào mặt, dùng dây da trâu quật nhiều phát vào đùi của Giàng S và Châu Thị P và nói “*Mẹ chúng mày có lấy nhau không? Lấy nhau thì đưa cho tao 100.000.000 đồng, tao cho chúng mày lấy nhau*” nhưng cả hai không nói gì. Một lúc sau, do quá đau nên Châu Thị P nói với Giàng S “*Anh Sinh ơi em đồng ý lấy anh, anh đồng ý đi để họ tháo dây cho cả hai*”. Giàng S trả lời “*Ừ, đồng ý*”. Một lúc sau, bác ruột của Sùng T là Sùng U đến nhà Sùng T và cởi trói cho Châu Thị P và Giàng S. Sau khi được cởi trói, Giàng S gọi điện về cho anh trai là Giàng A nhờ Giàng A đến để giải quyết đưa về. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Giàng A cùng một số người có mặt tại nhà Sùng T. Tại đây, Sùng T yêu cầu người nhà của Giàng S phải đưa 100.000.000 đồng thì mới cho Giàng S về và giao Châu Thị P cho Giàng S. Giàng S đã nhờ anh trai là Giàng A xoay tiền để giúp Giàng S. Quá trình thương lượng, Sùng T đồng ý với số tiền 50.000.000 đồng. Do không có sẵn tiền mặt nên Giàng A đã gọi điện cho anh Đào Xuân T để hỏi vay tiền và nhờ Đào Xuân T chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản số 3760240920 của ngân hàng BIDV mang tên Sùng T. Sau khi nhận được 50.000.000 đồng do anh Đào Xuân T chuyển khoản, Sùng T đã lập biên bản hoà giải, giao nhận tiền có những người tham gia chứng kiến gồm Sùng A Lệnh, Vũ Thị X, Châu Thị P, Giàng S và Sùng T. Sau khi lập biên bản xong, khoảng 23 giờ cùng ngày, Sùng T cho Giàng S đi về cùng người nhà, Châu Thị P cùng mẹ ruột của mình cũng rời khỏi nhà Sùng T. Như vậy hành vi của bị cáo Sùng T đã cấu thành tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và cấu thành tội “*Cướp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo Sùng N, Sùng A đã cấu thành tội “*Bắt, Giữ người trái pháp luật*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai với các tội danh trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” có 03 bị cáo, quá trình phạm tội không có sự tổ chức câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Xác định đây

là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, vai trò của các bị cáo được xác định như sau:

Bị cáo Sùng T là người khởi xướng và là người thực hành tích cực trong việc bắt, giữ Giàng S và Châu Thị P. Vì vậy bị cáo Sùng T phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và đối với hành vi bắt, giữ người trái pháp luật với tình tiết định khung “Đối với 02 người trở lên”.

Bị cáo Sùng N, Sùng A là người thực hành tích cực trong việc bắt, giữ Giàng S. Bị cáo Sùng N dùng xe mô tô của mình chở Giàng S, Sùng A ngồi sau xe giữ Giàng S để đưa về nhà Sùng T. Vì vậy bị cáo Sùng N, Sùng A phải chịu trách nhiệm ngang nhau sau bị cáo Sùng T trong vụ án.

[3]. Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Sùng T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác và xâm hại trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Sùng T cần xử lý nghiêm trước pháp luật, có mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt.

Hành vi phạm tội của bị cáo Sùng N, Sùng A đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ, các bị cáo không có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng tù giam đối với các bị cáo mà cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ để các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung đối với tội “Cướp tài sản”: Xét thấy bị cáo Sùng T không có tài sản gì riêng, bị cáo sinh sống tại vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Sùng T là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Sùng T, Sùng N, Sùng A không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Sùng T quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo Sùng T đã ra đầu thú và đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, bị hại Châu Thị P xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị

cáo, ngoài ra bị cáo có ông nội là ông Sùng A Seng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống mỹ cứu nước hạng 3. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Sùng N, Sùng A quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội mình, lần phạm tội này của các bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo Sùng N, Sùng A được hưởng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Giàng S đã nhận lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tại cơ quan điều tra bị hại Giàng S yêu cầu bị cáo Sùng T phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), yêu cầu bị cáo Sùng N, Sùng A mỗi bị cáo phải bồi thường 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Ngày 18, 20/9/2025 các bị cáo đã thỏa thuận với người bị hại về mức bồi thường. Bị cáo Sùng N đã bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), Sùng A đã bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Người bị hại anh Giàng S đã nhận đủ số tiền của các bị cáo không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Sùng N, Sùng A. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Sùng N và Sùng A là phù hợp.

Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại Giàng S vẫn giữ nguyên yêu cầu bị cáo Sùng T phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại Giàng S số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp cần chấp nhận.

Người bị hại Châu Thị P đã được gia đình bị cáo Sùng T bồi thường 50.000.000 đồng. Chị Châu Thị P đã chuyển số tiền trên cho người bị hại Giàng S. Đến nay, chị Châu Thị P không yêu cầu bị cáo Sùng T phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Sùng T.

Đối với 50.000.000 đồng ông Sùng A Lệnh, bà Vừ Thị X đứng ra bồi thường cho Châu Thị P thay cho bị cáo Sùng T. Ông Sùng A Lệnh và bà Vừ Thị X cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo Sùng T phải hoàn trả lại số tiền trên. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết là phù hợp.

Đối với 50.000.000 đồng Giàng A đứng ra vay của anh Đào Xuân T, để chuyển cho Sùng T. Số tiền trên Giàng S đã trả lại cho anh Đào Xuân T. Anh Tùng đã nhận lại số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) đoạn dây làm bằng da trâu màu xám đen có kích thước dài 136 cm, có hình xoắn ốc, trên bề mặt dính nhiều sợi lông; 01 (một) đoạn dây làm bằng da trâu, màu xám đen có kích thước dài 210 cm, có hình xoắn ốc, trên bề mặt dính nhiều sợi lông; 01 (một) đoạn dây cao su màu đen có kích thước dài 112cm, rộng 2 cm, dày 0,2 cm là công cụ phạm tội, xét thấy là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 (một) điện thoại nhãn hiệu TECNO màu xanh số IMEI 1: 355126621700941, số IMEI 2: 355126621700958, bên trong lắp 01 sim Viettel số 0362486933, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Sùng T là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter màu xanh-đen, BKS 24B2-747.64 Sùng N cùng với Sùng A sử dụng là phương tiện để bắt, giữ đưa Giàng S về nhà Sùng T. Sau khi vụ án xảy ra, Sùng N đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người dân tộc Mông không quen biết vào cuối năm 2024 tại khu vực chợ Sa Pa, lấy tiền chi tiêu cho gia đình, đến nay không thu giữ được vì vậy không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng, Sùng T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, ngày 14/11/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai (cũ) đã chuyển vào tài khoản của Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa (cũ), mở tại kho bạc Nhà nước thị xã Sa Pa (cũ). Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại tiền tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Vì vậy cần tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trong tổng số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) bị cáo Sùng T đã nộp tại Cơ quan điều tra để đảm bảo công tác thi hành án về khoản tiền bồi thường. Số tiền còn lại 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trả lại cho bị cáo Sùng T là phù hợp.

[8] Các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với Cứ V, Sùng A Thính, Sùng V, Sùng R, Sùng A Lệnh là những người có mặt tại nơi xảy ra xô xát, đánh nhau giữa Tính và Sinh tại khu vực đường tránh QL4D, sau đó cùng đi về nhà Sùng T. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ chứng minh vai trò đồng phạm của những người này đối với hành vi phạm tội của bị cáo Sùng T. Bản thân những người này không được hưởng lợi gì từ số tiền 50.000.000 đồng mà Sùng T đã chiếm đoạt được. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với Tần Thị Lữ (vợ của Giàng S), quá trình điều tra xác định Sùng T và Tần Thị Lữ có quan hệ tình dục với nhau hai lần vào ngày 08 và 09/3/2024 tại khu vực chợ mới Sa Pa và nhà nghỉ tại thành phố Lào Cai. Việc quan hệ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đánh đập hay trái ý muốn của chị Tần Thị Lữ, nên không đề cập giải quyết.

Đối với Giàng Thị Giả là người đã gọi điện cho Sùng T và quay lại việc Giàng S và Châu Thị P nói chuyện với nhau tại nhà vệ sinh công cộng chợ mới Sa Pa. Quá trình điều tra, xác định Giàng Thị Giả không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Sùng T. Do đó, không xem xét giải quyết.

Đối với Vàng Thị X, là người đi cùng bị hại Giàng S đến khu vực ngã ba đường tránh quốc lộ 4D, quá trình điều tra, xác định Vàng Thị X không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Sùng T. Do đó, không xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với Vừ Thị X, là người chứng kiến thỏa thuận giữa Sùng T và Châu Thị P, Giàng S trong biên bản. Quá trình điều tra, xác định Vừ Thị X không được hưởng lợi gì từ số tiền 50.000.000 đồng, Vừ Thị X không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy không xem xét giải quyết là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo Sùng T, Sùng A , Sùng N sinh sống ở thôn S, xã N là xã có điều kiện, kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo Sùng T, Sùng A , Sùng N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Sùng T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Sùng T 02 (Hai) năm tù.

Căn cứ khoản điểm đ khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Sùng T phạm tội “Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Sùng T 07 (Bảy) năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội trên bị cáo Sùng T phải chấp hành hình phạt chung là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 05/04/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Sùng N phạm tội “Bắt,

Giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Sùng N 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lào Cai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Thời điểm chấp hành án cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lào Cai nhận được quyết định thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Sùng A phạm tội “Bắt, Giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Sùng A 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lào Cai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Thời điểm chấp hành án cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lào Cai nhận được quyết định thi hành án.

Trường hợp các bị cáo Sùng N, Sùng A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án Hình sự.

Về tránh nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Sùng T phải bồi thường cho người bị hại là anh Giàng S số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trong tổng số tiền 50.000.000 đồng bị cáo Sùng T nộp tại Cơ quan điều tra (Ủy nhiệm chi ngày 14/11/2014) để đảm bảo công tác thi hành án đối với khoản tiền bồi thường. Số tiền còn lại 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trả lại cho bị cáo Sùng T.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn dây làm bằng da trâu màu xám đen có kích thước dài 136 cm, có hình xoắn ốc, trên bề mặt dính nhiều sợi lông; 01 (một) đoạn dây làm bằng da trâu, màu xám đen có kích thước dài 210 cm, có hình xoắn ốc, trên bề mặt dính nhiều sợi lông; 01 (một) đoạn dây cao su màu đen có kích thước dài 112cm, rộng 2 cm, dày 0,2 cm.

Trả lại cho bị cáo Sùng T 01 (một) điện thoại nhãn hiệu TECNO màu xanh số IMEI 1: 355126621700941, số IMEI 2: 355126621700958, bên trong lắp 01 sim Viettel số 0362486933, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Sa Pa và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa)

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo Sùng T, Sùng A , Sùng N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Điều 7a Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- VKS khu vực 7- Lào Cai ;
- CQCSĐTCATỉnh LC;
- Bị cáo (3); NBC (3);
- Bị hại (2)
- Phòng PV 06 – CAT;
- Trại tạm giam số 1 – CAT;
- Phòng THADSKV7- Lào Cai;
- LưuHS, TQĐ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thanh Hương

